

Số: 165/2026/TB-TUETECH-TS

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên thông báo thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DVB

3. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

4. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh theo 03 phương thức:

- Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (mã xét tuyển 100).
- Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT (mã xét tuyển 300).
- Xét tuyển thẳng thí sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

TT	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Tên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển (Mã tổ hợp xét tuyển)	Chỉ tiêu dự kiến
1	- Quản trị kinh doanh tổng hợp	7340101	Quản trị kinh doanh	A1QH	A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84))	40
2	- Quản trị doanh nghiệp công nghiệp			A1QD		
3	- Quản lý kinh tế			A1QK		
4	- Kế toán tổng hợp	7340301	Kế toán	A1KH	A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84))	40
5	- Kế toán doanh nghiệp công nghiệp			A1KD		
6	- Marketing	7340115	Marketing	A1EM	A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84))	70
7	- Marketing thương mại			A1ET		

8	- Luật			A1LU		
9	- Luật Dân sự	7380101	Luật	A1LD	C00; D01; D07; D15; X05 (A10); X25 (D84)	40
10	- Luật hình sự			A1LH		
11	- Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	A1TC	A00; A01; C01; C02; D01; D07.	40
12	- Cơ khí chế tạo máy			A1CK		
13	- Cơ khí động lực – ô tô	7520103	Kỹ thuật cơ khí	A1CO	A00; A01; C01; C02; D01; D07	40
14	- Công nghệ kỹ thuật cơ khí			A1CN		
15	- Điện tự động hóa			A1DT		
16	- Hệ thống điện	7520201	Kỹ thuật điện	A1DH	A00; A01; C01; C02; D01; D07	40
17	- Công nghệ kỹ thuật điện			A1DC		
18	- Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	A1IC	A00; A01; C01; C02; D01; D07	100
19	- Công nghệ kỹ thuật điều khiển;			A1GK		
20	- Công nghệ tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A1GT	A00; A01; C01; C02; D01; D07	65
21	- Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	A1HH	A01, D01, D07, D10, D14, D15	50
22	- Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	A1AA	A01, D01, D07, D10, D14, D15	40

6. Hình thức xét tuyển

6.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

*. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:

Dựa vào điểm thi của thí sinh trong kỳ thi TN THPT năm 2026, Nhà trường sẽ xác định và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

*. Điểm xét tuyển:

- Điểm thi TN THPT 2026 = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3

- Điểm xét tuyển = Điểm thi TN THPT 2026 + điểm UT (nếu có)

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

6.2. Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT

*. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Dựa vào kết quả học tập trong học bạ THPT theo các tổ hợp xét tuyển, Nhà trường sẽ xác định và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

*. Điểm xét tuyển:

- Điểm trung bình chung của môn xét tuyển (TBC) = (Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12)/3.

- **Điểm học bạ = Điểm TBC môn 1 + Điểm TBC môn 2 + Điểm TBC môn 3 + điểm UT (nếu có).**

- Điểm xét tuyển học bạ (quy đổi tương đương), Nhà trường sẽ xác định và công bố theo hướng dẫn và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

6.3. Xét tuyển thẳng: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

* Ghi chú

- Điểm trúng tuyển được quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển.

- Nguồn xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

7. Thời gian xét tuyển

Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

8. Hình thức đăng ký xét tuyển

8.1. Xét tuyển theo học bạ THPT và điểm thi TN THPT năm 2026

Thực hiện trên hệ thống phần mềm đăng ký xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Sẽ có hướng dẫn cụ thể sau*).

8.2. Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT

Bước 1:

Thí sinh có thể nộp hồ sơ theo 1 trong 2 hình thức sau: Nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên: Quốc lộ 1B, Phường Linh Sơn, Tỉnh Thái Nguyên, ĐT: 0912 663443.

Bước 2:

Thực hiện trên hệ thống phần mềm đăng ký xét tuyển chung của Bộ GD&ĐT.

9. Học phí, lệ phí

9.1. Học phí: (Thu theo tín chỉ của nhóm ngành, ngành):

- Học phí cả khóa học đối với các nhóm ngành công nghệ, kỹ thuật: *Học phí cả khóa 04*

năm (Cử nhân): 60.000.000đ/khóa học; tương ứng 480.000đ/tín chỉ.

- Học phí nhóm ngành Kinh tế, Luật, Ngôn ngữ Anh: *Học phí cả khóa 04 năm (Cử nhân): 58.000.000đ/khóa học; tương ứng 464.000đ/tín chỉ*
- Học phí ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc: *Học phí cả khóa 04 năm (Cử nhân): 66.000.000đ/khóa học; tương ứng 528.000đ/tín chỉ*

Mức tăng và lộ trình tăng học phí các năm học tiếp theo của Trường căn cứ vào Quyết định hiện hành của Nhà nước (Nhà trường sẽ có thông báo sau).

9.2. Lệ phí tuyển sinh: thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường (để b/c);
- Các Trường THPT (phối hợp);
- Đối tác tuyển sinh (phối hợp);
- Các đơn vị, đoàn thể (t/h);
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
GS. TS. Nguyễn Đăng Bình**